

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 7 – 2022
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình
ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hoàng.

2. Bà Lý Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Anh Thư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984.

- Bị đơn: Anh Ngô Văn T, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ cư trú: Số B, ấp N, xã A, huyện T, tỉnh Đ.

Chị Nguyễn Thị L có mặt tại phiên tòa, anh Ngô Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Ngô Văn T kết hôn năm 2003 và có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đ vào ngày 25/12/2006. Hôn nhân giữa chị L và anh T được xây dựng trên cơ sở mai mối và kết hôn. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai cưỡng ép hay ép buộc.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó chị L và anh T phát

sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong các quyết định về gia đình, công việc và tình cảm. Nguyên nhân do anh T thường hay ghen tuông vô cớ, mỗi lần đi nhậu về anh T thường hay chửi mắng, đánh đập chị L. Khi anh T có tâm trạng bức xúc với người khác bên ngoài khi về nhà đều đem chị L ra chửi mắng. Hàng ngày anh T không đi làm để phụ giúp vợ con, không quan tâm chăm sóc vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị L và anh T ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân chị L, anh T có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành.

Chị Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với anh Ngô Văn T.

Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung tên Ngô Thị Ngọc N, sinh ngày 11/01/2005 và Ngô Thị Ngọc T, sinh ngày 08/9/2007 (Hiện đang sống chung với chị L). Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh Ngô Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Ngô Văn T không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện (Bản chính); Giấy chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Thị L (Bản sao chứng thực); Sổ hộ khẩu của chị Nguyễn Thị L (Bản sao chứng thực); Trích lục kết hôn (Bản sao); Giấy khai sinh của cháu Ngô Thị Ngọc T (Bản sao); Giấy khai sinh của cháu Ngô Thị Ngọc N (Bản sao); Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện ngày 12/4/2022 (Bản chính); Bản khai của chị Nguyễn Thị L ngày 25/5/2022 (Bản chính); Văn bản ý kiến của chị Nguyễn Thị L ngày 09/6/2022 (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Ngô Văn T cư trú tại số B, ấp N, xã A, huyện T, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Ngô Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với anh Ngô Văn T .

Xét thấy, chị L và anh T kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đ vào ngày 25/12/2006, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống chị L, anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không hòa hợp trong cuộc sống. Nguyên nhân do anh T thường hay ghen tuông vô cớ, mỗi lần đi nhậu về anh T thường hay chửi mắng, đánh đập chị L. Khi anh T có tâm trạng bức xúc với người khác bên ngoài khi về nhà đều đem chị L ra chửi mắng. Hàng ngày anh T không đi làm để phụ giúp vợ con, không quan tâm chăm sóc vợ con. Ngoài ra, chị L và anh T không còn sống chung từ đầu năm 2021 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hơn nữa, chị L xác định, chị L và anh T không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với anh Ngô Văn T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung tên Ngô Thị Ngọc N, sinh ngày 11/01/2005 và Ngô Thị Ngọc T, sinh ngày 08/9/2007, không yêu cầu anh Ngô Văn T cấp dưỡng cho con.

Xét thấy, hiện nay chị L đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Ngô Thị Ngọc N và Ngô Thị Ngọc T. Ngoài ra, chị L xác định, chị L có việc làm ổn định, có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi con. Do đó, để tránh việc thay đổi môi trường sống, để đảm bảo cho cháu N và cháu T phát triển toàn diện cả vật chất lẫn tinh thần cần giao con chung cho chị L nuôi dưỡng. Vì vậy, chị L yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Ngô Thị Ngọc N, sinh ngày 11/01/2005 và Ngô Thị Ngọc T, sinh ngày 08/9/2007 là có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Ngô Văn T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L xác định là không có, không yêu cầu giải quyết. Anh T không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

- *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Ngô Văn T.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Ngô Thị Ngọc N, sinh ngày 11/01/2005 và Ngô Thị Ngọc T, sinh ngày 08/9/2007, cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Ngô Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu.

Chị L và anh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0010089 ngày 19/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Nguyễn Thị L đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Ngô Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã A, huyện T, tỉnh Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Minh Trung